

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày 25 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn
2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Chí Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2018/TLST - HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Minh L, sinh năm 1992, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ô 1/413, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Thái Thị H1; vợ, con chưa có; tiền án: không; tiền sự: ngày 06-5-2015 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G xử phạt vi phạm hành chính 20.000.000 đồng về hành mua bán hàng cấm (thuốc lá nhập lậu); nhân thân: không; bị bắt giữ, tạm giam ngày 30-01-2018 có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện G, tỉnh T (Có mặt)
2. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1971; địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh T (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 29-01-2018 Phạm Minh L mượn điện thoại di động của chị Phạm Thị H3 để gọi cho người thanh niên tên là C mua 1.000.000 đồng ma túy để sử dụng, C đồng ý và hẹn trưa ngày 30-01-2018 giao ma túy; khoảng 12 giờ ngày 30-01-2018 C gọi điện cho L qua số điện thoại chị H2, chị H2 nhờ anh Lê Minh N (chồng chị) mang qua nhà cho L, L điện thoại lại cho C và hẹn gặp nhau tại quán cà phê TN thuộc ấp C, xã C1, huyện G giao ma túy cho L. L nhờ anh N mượn xe mô tô biển số 70M1-8043 của bà Phạm Thị H3 (mẹ chị H2) chở đi công chuyện, L mang theo điện thoại chị H2 mang theo để liên lạc; khi đến quán cà phê TN, N ngồi phía trước quán uống cà phê, L đi ra sau quán đưa tiền cho C nhận ma túy bỏ vào hộp kẹo cất giấu vào trong túi quần phía trước bên trái rồi ra phía trước quán ngồi uống cà phê với anh N, đến khoảng 14 giờ cùng ngày bị Công an kiểm tra bắt quả tang; vật chứng được niêm phong có chữ ký của Phạm Minh L, người chứng kiến Lê Tuấn K, Lê Thị Kim H4, bên trong có một bì nylon màu trắng được hàn kín chứa tinh thể màu trắng.

Tại kết luận giám định số: 32/KL-KTHS ngày 31-01-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bì nylon màu trắng được hàn kín (kí hiệu M) gửi đến giám định là chất ma túy; là loại Methamphetamine; trọng lượng mẫu 2,1260 gam.

Tại cáo trạng số: 42/CT- VKSGD ngày 23-4-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố bị cáo Phạm Minh L về tội “ Tàng trữ phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Minh L từ 18 đến 24 tháng tù. Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H2 yêu cầu trả lại một điện thoại di động đã bị công an thu giữ.

Bị cáo nói lời sau cùng, thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Do nghiện ma túy nên ngày 29-01-2018 bị cáo điện thoại cho một người tên C hỏi mua ma túy để sử dụng, khoảng 12 giờ ngày 30-01-2018 C gọi điện thoại cho bị cáo và hẹn gặp nhau tại quán cà phê TN thuộc ấp C, xã C1, huyện G để mua bán ma túy; khi đến quán cà phê TN N ngồi phía trước quán, bị cáo đi ra sau quán gặp C đưa tiền và nhận ma túy bỏ vào hộp kẹo cất giấu vào trong túi quần phía trước bên trái rồi ra phía trước ngồi uống cà phê với anh N, đến khoảng 14 giờ cùng ngày bị Công an kiểm tra bắt quả tang; vật chứng được niêm phong có chữ ký của bị cáo, người chứng kiến Lê Tuấn K, Lê Thị Kim H4, bên trong có một bì nylon màu trắng được hàn kín chứa tinh thể màu trắng. Tại kết luận giám định số: 32/KL-KTHS ngày 31-01-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bì nylon màu trắng được hàn kín (kí hiệu M) gửi đến giám định là chất ma túy; là loại Methamphetamine; trọng lượng mẫu 2,1260 gam.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 thì “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển ...thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; c) Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”. Như vậy, bị cáo Phạm Minh L đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 2,1260 gam nên đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy; xâm phạm trật tự an toàn xã hội; hành vi của bị cáo là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác; gây mất trật tự trị an tại địa phương; nên cần xử lý nghiêm theo pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là những tình tiết cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Các biện pháp tư pháp: trong quá trình điều tra thu giữ 01 gói được niêm phong ghi vụ số 32/KL-KTHS có chữ ký của Giám định viên Võ Quốc T, trợ lý Nguyễn Thị Thùy D thuộc Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T; đây là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Đối với điện thoại di động hiệu OPPO, Số IMEL: 866919029334475 (bị bể mặt kính), bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm nhưng chị H2 không biết, nên trả lại cho chị H2 theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với xe mô tô biển số 70M1-8043 của bà Phạm Thị H3, bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm nhưng bà H3 không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại xong, nên ghi nhận.

[6] Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Trong quá trình điều tra xác minh bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Phạm Minh L** phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ”

1. Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30-01-2018.

2. Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 gói được niêm phong ghi vụ số 32/KL-KTHS có chữ ký của Giám định viên Võ Quốc T, trợ lý Nguyễn Thị Thùy D.

Tuyên trả lại cho chị Phạm Thị H2 một điện thoại di động hiệu OPPO, Số IMEL: 866919029334475 (bị bể mặt kính)

Ghi nhận bà Phạm Thị H3 đã nhận lại xe mô tô tô biển số 70M1-8043 xong.

3. Án phí: căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở Tư pháp tỉnh nơi bị cáo ĐKNKTT;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng

